

-(으)ㄴ데 있어

trong việc; khi nói đến

Khoanh vùng hoạt động mà một nhận định đề cập đến. Cực kỳ phổ biến trong tiếng Hàn trang trọng — và là một trong số ít cấu trúc mà các cẩm nang văn phong tiếng Hàn chủ động khuyên tránh.

Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Mọi danh từ	-에 있어	교육에 있어
Dạng đầy đủ	-에 있어서	협상에 있어서
Sau mệnh đề	-(으)ㄴ데 있어	판단함에 있어
Kết thúc bằng ㄴ	ㄴ + ㄴ데	만들다 → 만듦에 있어
Cách thay thế đơn giản hơn	-(으)ㄴ데, -는 데	판단할 때
Lưu ý văn phong	dùng hạn chế	cẩm nang cho là bị lạm dụng

Khi nào dùng

Với danh từ thì gắn trực tiếp: 교육에 있어, 협상에 있어. Với mệnh đề, cần danh từ hóa bằng -(으)ㄴ trước, giữ nguyên ㄴ: 만듦에 있어. Dạng đầy đủ 에 있어서 cũng phổ biến không kém.

Nó xác lập phạm vi mà một nhận định áp dụng: 사안을 판단함에 있어 신중해야 한다.

Giờ là điều cần lưu ý. Các cẩm nang văn phong tiếng Hàn coi 에 있어서 là một cách nói vay mượn bị lạm dụng, phỏng theo における của tiếng Nhật, và khuyên nên thay thế. 판단할 때 hoặc một -는 데 đơn giản thường diễn đạt cùng ý một cách tự nhiên hơn.

Nên biết nó vì bạn sẽ gặp liên tục trong văn bản hành chính. Nên dùng hạn chế cũng vì chính lý do mà mọi người khác được khuyên như vậy.

Ví dụ trong câu

- 1

사안을 판단함에 있어 신중을 기해야 합니다.

Trong việc phán đoán vấn đề, cần phải thận trọng.
- 2

교육에 있어 가장 중요한 것은 꾸준함이다.

Trong giáo dục, điều quan trọng nhất là tính nhất quán.
- 3

협상에 있어서 신뢰만큼 중요한 것은 없다.

Trong đàm phán, không gì quan trọng bằng lòng tin.
- 4

정책을 시행함에 있어 현장의 의견을 반영했다.

Trong việc thực thi chính sách, ý kiến từ cơ sở đã được xem xét.
- 5

부품을 직접 만듦에 있어 품질 관리가 관건이다.

Trong việc tự sản xuất linh kiện, kiểm soát chất lượng là then chốt.
- 6

기준을 마련함에 있어 형평성을 최우선으로 고려했다.

Trong việc xây dựng tiêu chí, sự công bằng được cân nhắc hàng đầu.

So sánh với

-(으)ㄴ데

Cách thay thế đơn giản hơn, và thường là cách tốt hơn. Các cẩm nang văn phong khuyên dùng nó ở mọi chỗ 에 있어 có thể dùng. 판단함에 있어 신중해야 한다. (trang trọng) / 판단할 때 신중해야 한다. (tự nhiên)

-(으)ㄴ/는 데 있다

Trông giống nhau nhưng chức năng khác. 데 있다 xác định bản chất của điều gì đó; 에 있어 chỉ khoanh vùng phạm vi. 문제는 준비가 부족한 데 있다. (vấn đề nằm ở đó) / 판단함에 있어 신중해야 한다. (khi phán đoán)

-(으)ㄴ데 따라

Cùng thuộc họ -(으)ㄴ, với cùng cái bắt ㄴ: 만듦. 따라 đánh dấu tỷ lệ; 있어 đánh dấu phạm vi. 소득이 늘어남에 따라 (khi thu nhập tăng) / 판단함에 있어 (trong việc phán đoán)

Lưu ý

- ✗

부품을 직접 만들음에 있어 품질이 관건이다.
- 부품을 직접 만듦에 있어 품질이 관건이다.

Gốc từ ㄴ giữ nguyên ㄴ và thêm ㄴ, thành 만듦 chứ không phải 만들음.
- ✗

사안을 판단하에 있어 신중해야 한다.
- 사안을 판단함에 있어 신중해야 한다.

Mệnh đề phải được danh từ hóa bằng -(으)ㄴ trước.
- ✗

밥을 먹음에 있어 손을 씻어야 한다.
- 밥을 먹기 전에 손을 씻어야 한다.

Cụm này khoanh vùng một lĩnh vực bàn luận trang trọng. Các hành động thường ngày khoắc lên nó sẽ nghe như nhại lại.